TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/4/2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nguyên.

Bà Phạm Thị Thà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2025/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Đào Thị Đ**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1983.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Hiện cư trú tại: Đài Loan - Trung Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đào Thị Đ trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh ngày 01/12/2009. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên xảy ra cãi nhau.

Năm 2018 anh D đi lao động ở nước ngoài, thời gian đầu anh có liên lạc về nhà nhưng sau đó anh D chấm dứt liên lạc. Vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, nghi ngờ quan hệ ngoài vợ chồng. Mâu thuẫn của vợ chồng được gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh D theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tùng A, sinh ngày 07/02/2011 và Nguyễn Phương L, sinh ngày 21/8/2018, hiện các con đang ở với chị. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000đ/1con/1tháng, cả hai con là 5.000.000đ/tháng cho đến khi các con thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Dương Thị M (là mẹ đẻ anh D) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh D ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh D vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh D biết. Anh D có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Đ xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 02 con chung như chị Đ trình bày là đúng, anh nhất trí để chị Đ nuôi cả hai con và nhất trí cấp dưỡng cho con là 2.500.000đ/tháng/1con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của chị Đ, anh D là cháu Nguyễn Tùng A có nguyện vọng được ở với chị Đ.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi chị Đ, anh D đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, không có sự tin tưởng lẫn nhau nên mâu thuẫn gay gắt. Nay chị Đ có đơn ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử cho chị Đào Thị Đ ly hôn anh Nguyễn Văn D; về con chung: Giao con chung Nguyễn Tùng A và Nguyễn Phương L cho chị Đ chăm sóc, anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000đ/1con/1tháng, cả hai con là 5.000.000đ/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật, anh D phải chịu án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Đào Thị Đ hiện đang cư trú tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương và bị đơn anh Nguyễn Văn D có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, hiện anh đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc). Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Đ và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh ngày 01/12/2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nghi ngờ tình cảm của nhau và thường xuyen xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả. Năm 2018 anh D đi lao động ở nước ngoài, thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau nhưng sau đó chấm dứt liên lạc, vợ chồng sống ly thân từ lâu và không quan tâm đến nhau. Chị Đ và anh D đều có quan điểm nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Đ được ly hôn anh D.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Đ, anh D có 02 con chung là Nguyễn Tùng A, sinh ngày 07/02/2011 và Nguyễn Phương L, sinh ngày 21/8/2018, hiện tại các con đang ở với chị Đ. Để đảm bảo sự ổn định và phát triển toàn diện của các con chưa thành niên và phù hợp với nguyện vọng của con chung, HĐXX xét thấy cần giao cho chị Đ nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng cho con: Chị Đ có yêu cầu cấp dưỡng cho con và anh D nhất trí. HĐXX xét thấy chị Đ hiện đang nuôi cả hai con nên cần buộc anh D phải cấp dưỡng cho con với số tiền là 2.500.000đ/tháng/con x 2 con = 5.000.000đ/tháng kể từ tháng 4/2025 cho đến các con chung thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đ, anh D đã tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét, giải quyết. Trường hợp có xảy ra tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để giải quyết chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Chị Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình; anh D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định

tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Đào Thị Đ** ly hôn anh **Nguyễn Văn D.**

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Đào Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Tùng A, sinh ngày 07/02/2011 và Nguyễn Phương L, sinh ngày 21/8/2018.

Về cấp dưỡng cho con: Buộc anh Nguyễn Văn D phải cấp dưỡng cho con Nguyễn Tùng A số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng và Nguyễn Phương L số tiền là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng, cả 2 con là 5.000.000đ (Năm triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 4/2025 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi chị Đào Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà anh Nguyễn Văn D không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Đào Thị Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm dân sự về Hôn nhân và gia đình, được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001732 ngày 14 tháng 3 năm 2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Anh Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày; Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 30 ngày. Thời gian kháng cáo kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Cẩm Sơn, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP, lưu Tòa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân